

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

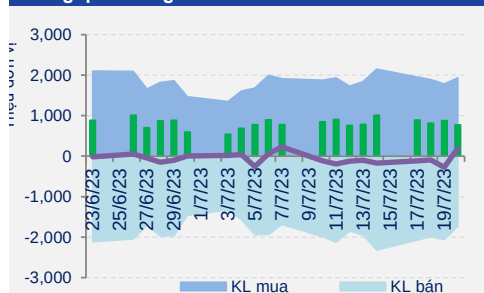
20/7/2023

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

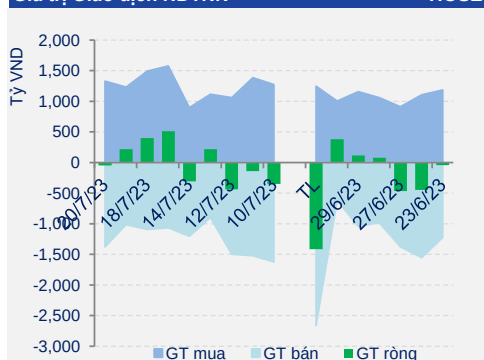
| Thông kê thị trường | HOSE          | HNX         |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index               | 1,172.81      | 233.07      |
| % Thay đổi          | ↓ -0.01%      | ↑ 0.69%     |
| KLGD (CP)           | 770,274,443   | 97,162,816  |
| GTGD (tỷ đồng)      | 16,375.49     | 1,553.51    |
| Tổng cung (CP)      | 1,731,964,245 | 145,744,400 |
| Tổng cầu (CP)       | 1,927,822,258 | 144,753,000 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE       | HNX     |
|-------------------|------------|---------|
| KL bán (CP)       | 51,638,024 | 296,482 |
| KL mua (CP)       | 42,526,340 | 771,050 |
| GT mua (tỷ đồng)  | 1,329.79   | 22.75   |
| GT bán (tỷ đồng)  | 1,376.98   | 4.55    |
| GT ròng (tỷ đồng) | (47.19)    | 18.20   |

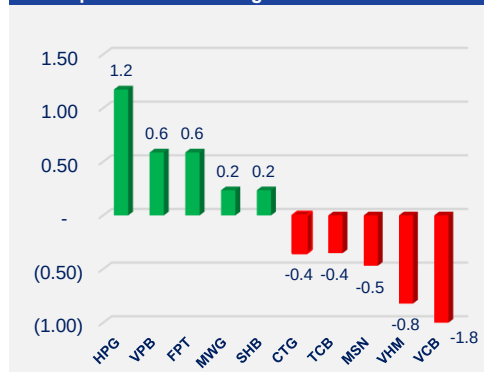
### Tương quan cung cầu



### Giá trị Giao dịch NĐTNN



### Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Dưới áp lực giảm điểm phiên trước, VN-INDEX trong phiên đảo hạn phái sinh kỳ hạn VN30F2307 tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về vùng quanh 1.165 điểm với thanh khoản suy giảm, thể hiện áp lực bán không mạnh, sau đó VN-INDEX phục hồi trở lại trong phiên chiều dưới ảnh hưởng tích cực của VN30. Kết phiên VN-INDEX giảm nhẹ 0,17 điểm (-0,01%) về mức 1.172,81 điểm. HNX-INDEX duy trì tích cực tăng 1,60 điểm (+0,69%) lên mức 233,07 điểm. Độ rộng thị trường trên hai sàn niêm yết nghiêng về tích cực khi số lượng mã phục hồi tăng điểm tốt với 352 mã tăng giá (23 mã tăng trần), 269 mã giảm giá (08 mã giảm sàn) và 144 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 17.923 tỷ đồng, giảm 7,30% so với phiên trước, thể hiện áp lực bán giảm, tương đối bình thường khi VN-INDEX điều chỉnh. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch và trở lại bán ròng với giá trị 47,19 tỷ đồng, tiếp tục mua ròng trên HNX với giá trị 18,20 tỷ đồng.

Thị trường vẫn đang trong giai đoạn đón nhận các thông tin tình hình kinh doanh quý II/2023, các mã có báo cáo kết quả kinh doanh quý II/2023 tăng trưởng tốt vẫn có diễn biến tích cực trước áp lực điều chỉnh của thị trường chung. Mặc dù VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh nhưng diễn biến phục hồi mạnh của cổ phiếu có tính chất dẫn dắt thị trường như HPG (+2,92%) vượt đỉnh giá gần nhất đã ảnh hưởng tích cực lên thị trường. Các cổ phiếu khác của nhóm thép cũng có diễn biến tăng giá tốt như SMC (+3,20%), VGS (+3,19%), TVN (+1,32%), HSG (+1,15%)...

Các cổ phiếu nhóm bất động sản cũng phục hồi tốt trong phiên giao dịch chiều, đa số tăng giá tích cực, nhiều mã tăng mạnh, thanh khoản gia tăng tốt trước thông tin Quý II cải thiện như NDN (+9,43%), HDC (+6,71%), CEO (+6,55%), PDR (+3,46%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh nhẹ, thanh khoản ở mức trung bình với L14 (-2,10%), QCG (-1,80%), VHM (-1,37%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán phân hóa kém tích cực hơn, đa số chịu áp lực điều chỉnh nhẹ với thanh khoản ở mức trung bình như WSS (-2,53%), SSI (-1,75%), HCM (-1,32%), TVS (-1,29%)... trong khi các mã có kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt vẫn có diễn biến tích cực với VIX (+3,44%), BVS (+2,30%), BSI (+1,87%)...

Các cổ phiếu nhóm ngành khác không có nhiều diễn biến nổi bật, trong khi nhóm ngân hàng phân hóa kém tích cực, đa số chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản trên mức trung bình với EIB (-3,18%), STB (-1,42%), VCB (-1,41%), TCB (-1,24%)... ngoài các mã tăng giá như MSB (+2,72%) có thanh khoản rất đột biến, SHB (+1,77%), VPB (+1,69%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2307 tăng 1 điểm (+0,09%) trong phiên đảo hạn, kết thúc kỳ hạn VN30F2307 để chuyển sang giao dịch trên kỳ hạn chính VN30F2308. Kỳ hạn VN30F2308 có mức chênh lệch -5,26 điểm so với VN30. Các kỳ hạn lớn hơn chênh lệch từ -8,76 điểm đến -17,26 điểm, mức độ chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng trở lại. Cho thấy các trader không lạc quan và cũng bị quan với VN30 và có thể kỳ vọng mức điều chỉnh chỉ ở vùng 1150.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường tiếp tục chứng lại và gần như đi ngang trong phiên hôm nay và đang hình thành nên 1 nền tảng nhỏ đi ngang sau khi vượt cản, sau phiên điều chỉnh nhẹ hôm qua việc thị trường tiếp tục đi ngang mà không có phiên điều chỉnh mạnh hơn cho thấy nội lực của thị trường đang rất mạnh. Với nền tảng nhỏ đang hình thành khả năng thị trường tiếp tục bật lên là có thể xảy ra, tuy nhiên chúng tôi cho rằng thị trường sẽ có nhịp điều chỉnh về kiểm định lại mốc 1.150 điểm để củng cố thêm động lực tăng.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Tiếp sau phiên điều chỉnh nhẹ hôm qua, phiên hôm nay thị trường duy trì được vận động đi ngang và VnIndex giảm -0,17 điểm (-0,01%) và đóng cửa ở 1.172,81, điều này cho thấy nội lực của thị trường đang rất mạnh. Thị trường đi ngang trong vài phiên vừa qua đủ tạo ra một nền tích lũy nhỏ để tiếp tục bật lên nhưng khả năng thị trường có nhịp điều chỉnh là cần thiết để củng cố xu hướng tăng, trong trường hợp VnIndex tiếp tục tăng điểm thì rất có thể nhịp điều chỉnh sau đó sẽ mạnh hơn. Chúng tôi cho rằng khả năng thị trường điều chỉnh ở vùng hiện tại vẫn là khá cao và cần thiết.

Thị trường đang phát đi tín hiệu điều chỉnh nhưng nhịp điều chỉnh vẫn chưa xảy ra mà VnIndex gần như tạo nền ngang trong vài phiên gần đây, ngưỡng 1.150 điểm của VnIndex là ngưỡng cản mạnh xét trong dài hạn nên sau khi vượt qua thị trường cần điều chỉnh test lại ngưỡng này, tích lũy thêm động lực. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn thị trường đang có động lực tăng nhưng sẽ đối diện với nhiều biến động trong khu vực nhạy cảm, thị trường có thể sẽ có rung lắc trong ngắn hạn cho dù với nội lực tích lũy trên các nền tảng vừa qua và động lực tăng tốt thị trường sẽ còn tiếp tục tích cực sau điều chỉnh.

Về góc nhìn trung hạn, với việc VnIndex đã vượt cản 1.150 thị trường đã bắt đầu chuyển trạng thái từ hồi phục sang hình thành uptrend. Sau gần 6 tháng tích lũy đầu năm và giai đoạn phục hồi ngắn hạn trong hơn 1 tháng qua thị trường đã hình thành trạng thái khởi động xu hướng tăng trung hạn, điều này tạo cơ sở cho khả năng trong trung hạn Vnindex còn có thể hình thành Uptrend. Hiện VnIndex đang trong vùng chịu ảnh hưởng từ kéo của ngưỡng 1.150 điểm nên sẽ có thêm rung lắc. Nếu VnIndex thoát khỏi vùng trì kéo hiện tại thì Uptrend sẽ hình thành (kèm thêm hỗ trợ từ chuyển biến vĩ mô tích cực).

Về vĩ mô, trạng thái nền kinh tế vẫn đang trong giai đoạn khá trầm lắng và khó dự báo đặc biệt đối với thị trường BĐS và thị trường xuất khẩu (do kinh tế thế giới đang tăng trưởng thấp nên đơn hàng không nhiều) tuy nhiên việc lãi suất đang có xu hướng giảm và ổn định giúp dòng tiền trong thị trường trở nên bình ổn hơn. Về tổng thể nhìn chung tâm lý giới đầu tư đang dần ổn định hơn do nhà đầu tư dần có niềm tin kinh tế sẽ dần ổn định lại. Thị trường có khả năng hình thành uptrend do vận động của thị trường luôn đi trước diễn biến thực sự của nền kinh tế.

Nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì tỷ trọng ở mức thận trọng và quan sát diễn biến thị trường tại các vùng hỗ trợ trước khi quyết định giải ngân. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục đã được cơ cấu tốt nếu đã thực hiện theo khuyến nghị thời gian qua của chúng tôi. Trường hợp muốn gia tăng tỷ trọng nhà đầu tư có thể tận dụng mua vào ở các nhịp điều chỉnh, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

20/7/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Vùng mua dự kiến<br>(1.000 đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Thông số cơ bản |                        |                        | Điều kiện giải ngân    |
|-----|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|     |                          |                               |                           |                         | P/E             | T.trường Doanh thu TTM | T.trường Lợi nhuận TTM |                        |
| POW | 13.30                    | 13.1-13.6                     | 16.5-17                   | 12                      | 18.2            | 5.1%                   | -26.0%                 | Theo dõi chờ giải ngân |
| EVE | 18.45                    | 18.5-19.5                     | 24-25                     | 17                      | 8.7             | -22.6%                 | -55.2%                 | Theo dõi chờ giải ngân |
| VOS | 13.10                    | 12.6-13.3                     | 15.2-16                   | 12                      | 3.6             | 29.1%                  | 31.1%                  | Theo dõi chờ giải ngân |

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | Mã  | Giá hiện tại (1.000đ) | Giá mua (1.000đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|----------------|-----|-----------------------|------------------|------------------------|----------------------|---------------------|----------------------------|
| 30/3/23        | BVS | 26.7                  | 18               | 24-26                  | 25                   | 48.3%               | Nắm giữ                    |
| 31/3/23        | PTB | 51.8                  | 40               | 52-54                  | 52                   | 29.5%               | Bán                        |
| 28/4/23        | PVS | 33.9                  | 25.1             | 33-34                  | 33                   | 35.1%               | Nắm giữ                    |
| 11/5/23        | PVP | 15.8                  | 12.75            | 18-18.5                | 14.5                 | 23.5%               | Nắm giữ                    |
| 19/5/23        | DPR | 61.8                  | 54.8             | 65-67                  | 60                   | 12.8%               | Nắm giữ                    |
| 7/6/23         | KBC | 30.8                  | 28.05            | 34-35                  | 29.5                 | 9.8%                | Nắm giữ                    |
| 21/6/23        | GMD | 57.2                  | 51               | 62-64                  | 55                   | 12.2%               | Nắm giữ                    |
| 12/7/23        | DCM | 29.1                  | 27.75            | 31-32                  | 28                   | 4.9%                | Nắm giữ                    |

**TIN VĨ MÔ**
**Công bố quy hoạch trụ sở bộ ngành, cơ quan trung ương**

Theo đề án quy hoạch trụ sở bộ ngành đến năm 2030 do Thủ tướng phê duyệt, khu Tây Hồ Tây (quận Bắc Từ Liêm, Tây Hồ) có diện tích 35 ha, nằm giữa khu trung tâm Tây Hồ Tây, bố trí tối đa 14 cơ quan. Các trụ sở làm việc có hình khối kiến trúc thống nhất, cao 12-25 tầng; các khối công cộng phụ trợ, dịch vụ thương mại cao 6-24 tầng về phía bắc và phía nam gần với hai trục đường đô thị.

**Việt Nam cần 270.000 tỷ đồng đầu tư hạ tầng xăng dầu, khí đốt vào năm 2030**

Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà vừa ký quyết định phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Để phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt đến năm 2030, theo Quy hoạch, cần nguồn vốn khoảng 270.000 tỷ đồng, huy động chủ yếu từ nguồn vốn ngoài ngân sách, vốn của doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác. Nguồn vốn ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng dự trữ dành riêng cho hạ tầng dự trữ quốc gia.

**TP.HCM: Kiều hối tiếp tục tăng trưởng tích cực trong nửa đầu năm 2023**

Trong bối cảnh nhiều quốc gia đang đối mặt với sự suy giảm kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, song lượng kiều hối chuyển về TP.HCM tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng tích cực trong nửa đầu năm 2023. Lượng kiều hối chuyển về TP.HCM trong 6 tháng đầu năm 2023 đạt hơn 4,33 tỷ USD, tăng 37% so với cùng kỳ năm ngoái và bằng 65,6% so với cả năm 2022, góp phần tạo nguồn thu ngoại tệ, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối của cả nước nói chung và TP.HCM nói riêng...

**Xuất siêu từ đầu năm đến nay tăng 13,25 tỷ USD**

Lũy kế từ đầu năm đến nửa đầu tháng 7/2023, hoạt động nhập khẩu hàng hóa vẫn giảm sâu hơn chiều xuất khẩu, thành thử, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu vọt lên 13,25 tỷ USD. Theo số liệu thống kê mới nhất của Tổng cục Hải quan, nửa đầu tháng 7/2023, xuất nhập khẩu cả nước đạt 27,2 tỷ USD, giảm 4,1% so với nửa cuối tháng 6, trong đó, xuất khẩu đạt 13,81 tỷ USD, nhập khẩu 13,38 tỷ USD, xuất siêu 0,43 tỷ USD.

**TIN DOANH NGHIỆP**

**Nhơn Trạch 2 (NT2) báo lãi quý II giảm 60%, đạt 144,2 tỷ đồng**

Trong quý II, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu thuần đạt 2.183 tỷ đồng, giảm 19%. Lãi sau thuế 144,2 tỷ đồng, giảm 60% so với quý II/2022. Lũy kế 6 tháng đầu năm, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt hơn 4.366 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 378 tỷ đồng, lần lượt giảm 7% và 28% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Nhựa Bình Minh báo lãi gấp đôi trong quý 2/2023, cổ phiếu đã tăng 80%.**

CTCP Nhựa Bình Minh (mã chứng khoán: BMP) vừa công bố BCTC quý II với doanh thu thuần 1.336 tỷ đồng, giảm 14% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, giá vốn còn giảm mạnh hơn giúp lợi nhuận gộp tăng 46,8% lên 572,7 tỷ đồng. Công ty báo cáo 294,6 tỷ đồng lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ, gấp hai lần so với thực hiện năm trước. Đây cũng là mức lợi nhuận kỷ lục doanh nghiệp đạt được trong một quý.

**Tự doanh khởi sắc, SSI lãi quý 2 hơn 656 tỷ**

Quý 2/2023, SSI đạt doanh thu hoạt động hơn 1.57 ngàn tỷ đồng, xấp xỉ cùng kỳ. Các mảng hoạt động chủ đạo như môi giới, cho vay margin đều ghi nhận doanh thu sụt giảm. Cụ thể, lãi từ các khoản cho vay và phải thu giảm 25% còn 360 tỷ đồng. Doanh thu môi giới giảm 25% còn gần 336 tỷ đồng. Tuy vậy, tự doanh là điểm sáng của SSI trong quý này. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận qua lãi/lỗ (FVTPL) tăng 63% lên gần 692 tỷ đồng. Lỗ tài sản tài chính FVTPL thì sụt giảm mạnh gần 90% về còn 32.3 tỷ đồng.

**PV GAS ước lãi sau thuế hơn 6 ngàn tỷ đồng nửa đầu năm**

Cụ thể, trong 6 tháng đầu năm, PV GAS ước doanh thu đạt trên 45.7 ngàn tỷ đồng, thấp hơn cùng kỳ 16%, vượt 13-17% kế hoạch 6 tháng. Lãi trước và sau thuế ước đạt hơn 7.5 ngàn tỷ đồng và gần 6.1 ngàn tỷ đồng, giảm khoảng 30% so với cùng kỳ, vượt từ 81-83% kế hoạch 6 tháng. Nộp ngân sách trên 3.1 ngàn tỷ đồng.

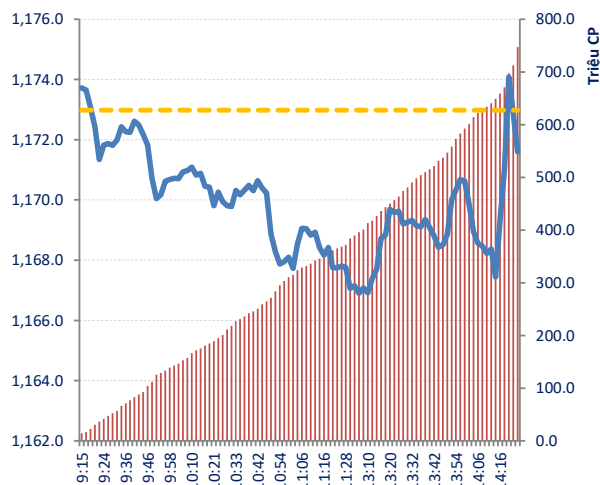
**Kinh Bắc (KBC) được duyệt quy hoạch KCN Quang Châu mở rộng hơn 90ha với vốn đầu tư gần 1.000 tỷ đồng**

Ngày 19/7, UBND tỉnh Bắc Giang có quyết định phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng KCN Quang Châu (phần mở rộng), huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/500). Theo đó, khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính của xã Quang Châu, huyện Việt Yên. Ranh giới được giới hạn phía Bắc giáp bãi xe, nhà máy cấp nước của KCN Quang Châu; phía Nam giáp thôn Đông Tiến, Nam Ngạn xã Quang Châu; phía Đông giáp thôn Quang Biểu xã Quang Châu; phía Tây giáp đường gom cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn.

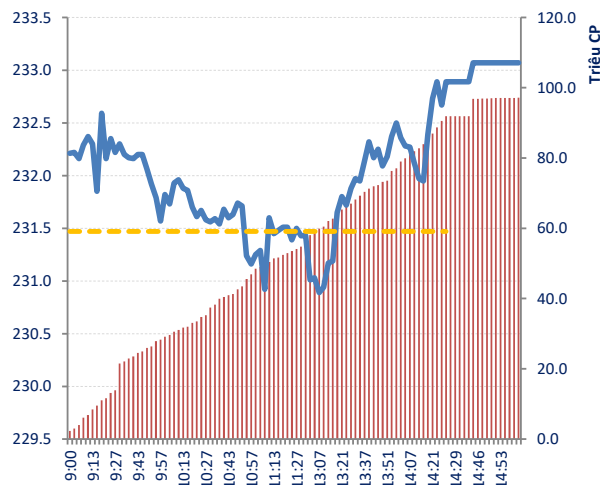


## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

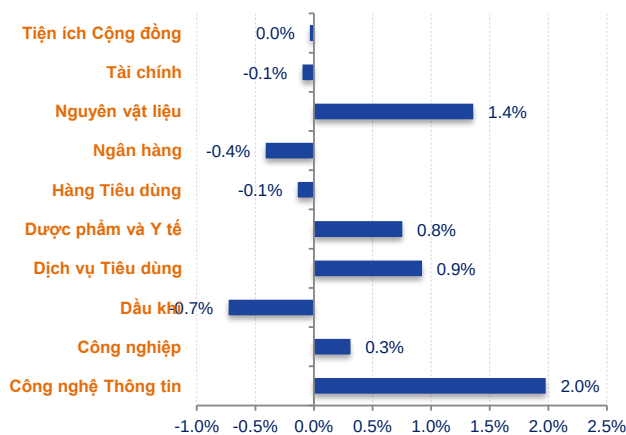
KLGD và VN-Index trong phiên



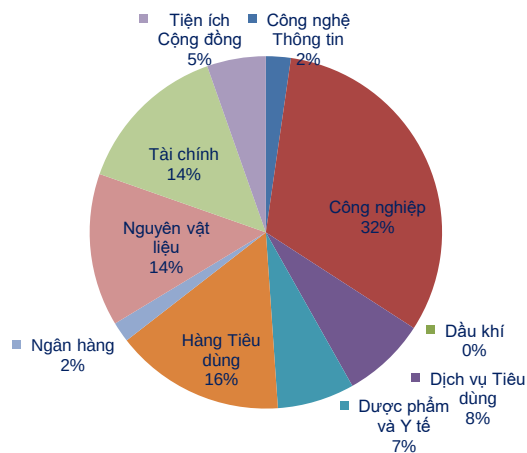
KLGD và HNX-Index trong phiên



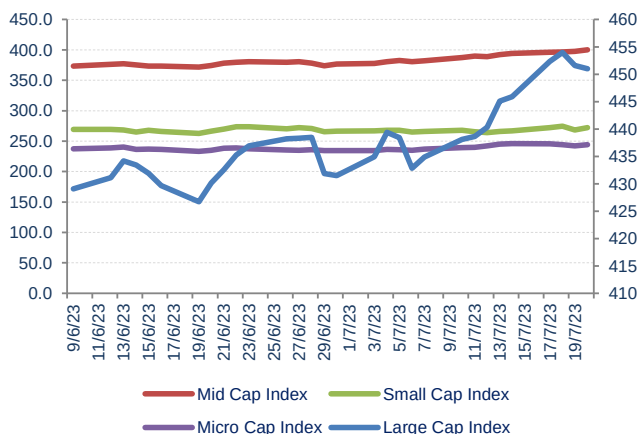
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



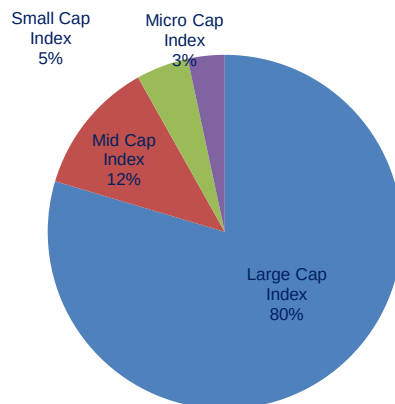
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ  
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ  
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | HPG   | 2,477,800   | MSB   | 10,486,400  |
| 2  | VPB   | 2,281,400   | POW   | 2,104,584   |
| 3  | HDB   | 1,502,800   | STB   | 1,889,300   |
| 4  | VNM   | 1,208,800   | TPB   | 1,666,100   |
| 5  | VHM   | 830,400     | DBC   | 1,604,600   |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | TNG   | 147,800     | NSH   | 53,500      |
| 2  | PVS   | 108,900     | NVB   | 52,717      |
| 3  | PVI   | 106,600     | IVS   | 43,400      |
| 4  | IDC   | 104,000     | SPI   | 20,000      |
| 5  | MBS   | 74,600      | HCC   | 9,600       |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| HPG | 27.40      | 28.20    | ↑ 2.92%  | 31,095,334 |
| DIG | 22.95      | 23.20    | ↑ 1.09%  | 29,571,300 |
| SSI | 28.50      | 28.00    | ↓ -1.75% | 28,932,615 |
| STB | 28.25      | 27.85    | ↓ -1.42% | 27,303,424 |
| SHB | 14.10      | 14.35    | ↑ 1.77%  | 27,002,800 |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| CEO | 16.80      | 17.90    | ↑ 6.55%  | 17,001,583 |
| SHS | 14.50      | 14.40    | ↓ -0.69% | 13,700,410 |
| SHN | 7.80       | 8.00     | ↑ 2.56%  | 5,568,921  |
| PVS | 33.90      | 33.90    | → 0.00%  | 3,571,586  |
| MBS | 19.90      | 19.70    | ↓ -1.01% | 3,320,004  |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       |
|-----|------------|----------|------|---------|
| MHC | 5.48       | 5.86     | 0.38 | ↑ 6.93% |
| LEC | 7.36       | 7.87     | 0.51 | ↑ 6.93% |
| HTN | 15.90      | 17.00    | 1.10 | ↑ 6.92% |
| ABS | 7.10       | 7.59     | 0.49 | ↑ 6.90% |
| BMC | 13.90      | 14.85    | 0.95 | ↑ 6.83% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| HAT | 33.00      | 36.30    | 3.30 | ↑ 10.00% |
| THS | 12.10      | 13.30    | 1.20 | ↑ 9.92%  |
| CAP | 69.90      | 76.80    | 6.90 | ↑ 9.87%  |
| NHC | 28.50      | 31.30    | 2.80 | ↑ 9.82%  |
| SFN | 14.30      | 15.70    | 1.40 | ↑ 9.79%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| SKG | 21.60      | 20.10    | -1.50 | ↓ -6.94% |
| LGC | 52.70      | 49.10    | -3.60 | ↓ -6.83% |
| COM | 33.90      | 31.80    | -2.10 | ↓ -6.19% |
| DAT | 10.80      | 10.20    | -0.60 | ↓ -5.56% |
| HSL | 5.75       | 5.45     | -0.30 | ↓ -5.22% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| ATS | 13.50      | 12.30    | -1.20 | ↓ -8.89% |
| VC6 | 10.20      | 9.30     | -0.90 | ↓ -8.82% |
| GLT | 21.50      | 19.80    | -1.70 | ↓ -7.91% |
| BDB | 13.60      | 12.60    | -1.00 | ↓ -7.35% |
| TKU | 12.80      | 11.90    | -0.90 | ↓ -7.03% |

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| HPG | 31,095,334 | 0.7%  | 114   | 239.9 | 1.7 |
| DIG | 29,571,300 | 2.2%  | 276   | 83.3  | 1.8 |
| SSI | 28,932,615 | 6.9%  | 1,035 | 27.5  | 1.9 |
| STB | 27,303,424 | 14.9% | 3,006 | 9.4   | 1.3 |
| SHB | 27,002,800 | 18.7% | 2,610 | 5.4   | 0.9 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| CEO | 17,001,583 | 7.5%  | 1,057 | 15.9 | 1.2 |
| SHS | 13,700,410 | 2.1%  | 224   | 64.7 | 1.2 |
| SHN | 5,568,921  | 0.8%  | 99    | 78.4 | 0.6 |
| PVS | 3,571,586  | 5.6%  | 1,498 | 22.6 | 1.2 |
| MBS | 3,320,004  | 10.0% | 1,199 | 16.6 | 1.6 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|--------|--------|---------|------|-----|
| MHC | ↑ 6.9% | -11.2% | (1,364) | -    | 0.5 |
| LEC | ↑ 6.9% | -3.6%  | (570)   | -    | 0.5 |
| HTN | ↑ 6.9% | 1.7%   | 304     | 52.2 | 1.0 |
| ABS | ↑ 6.9% | 3.6%   | 419     | 16.9 | 0.6 |
| BMC | ↑ 6.8% | 9.8%   | 1,717   | 8.1  | 0.8 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE   | EPS    | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| HAT | ↑ 10.0% | 26.0% | 4,873  | 6.8  | 2.1 |
| THS | ↑ 9.9%  | 8.5%  | 1,235  | 9.8  | 0.9 |
| CAP | ↑ 9.9%  | 62.7% | 12,325 | 5.7  | 2.3 |
| NHC | ↑ 9.8%  | 3.2%  | 646    | 44.1 | 1.5 |
| SFN | ↑ 9.8%  | 10.5% | 2,610  | 5.5  | 0.6 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|-------|-----|
| HPG | 2,477,800 | 0.7%  | 114   | 239.9 | 1.7 |
| VPB | 2,281,400 | 11.8% | 1,796 | 11.5  | 1.3 |
| HDB | 1,502,800 | 20.8% | 3,174 | 5.3   | 1.0 |
| VNM | 1,208,800 | 23.5% | 3,881 | 18.7  | 4.4 |
| VHM | 830,400   | 24.9% | 8,269 | 7.1   | 1.6 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| TNG | 147,800 | 17.8% | 2,666 | 7.8   | 1.3 |
| PVS | 108,900 | 5.6%  | 1,498 | 22.6  | 1.2 |
| PVI | 106,600 | 0.5%  | 170   | 335.0 | 1.6 |
| IDC | 104,000 | 34.3% | 6,675 | 6.7   | 2.4 |
| MBS | 74,600  | 10.0% | 1,199 | 16.6  | 1.6 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 504,013 | 23.2% | 6,533 | 16.3 | 3.5 |
| VHM | 254,730 | 24.9% | 8,269 | 7.1  | 1.6 |
| BID | 233,957 | 19.7% | 3,972 | 11.6 | 2.1 |
| VIC | 198,706 | 5.1%  | 1,800 | 28.9 | 1.5 |
| GAS | 189,290 | 24.1% | 7,689 | 12.9 | 2.9 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| PVS | 16,203  | 5.6%  | 1,498 | 22.6  | 1.2 |
| IDC | 14,784  | 34.3% | 6,675 | 6.7   | 2.4 |
| THD | 14,035  | 4.0%  | 672   | 59.6  | 2.3 |
| PVI | 13,328  | 0.5%  | 170   | 335.0 | 1.6 |
| KSF | 12,210  | 4.9%  | 1,094 | 37.2  | 1.8 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|------|--------|---------|-------|-----|
| QCG | 4.01 | 0.3%   | 49      | 181.5 | 0.6 |
| VPB | 2.99 | 3.1%   | 555     | 34.4  | 1.0 |
| TGG | 2.78 | -15.6% | (2,111) | -     | 0.3 |
| GEX | 2.76 | 0.1%   | 23      | 899.9 | 0.8 |
| DXG | 2.73 | -1.5%  | (355)   | -     | 0.7 |

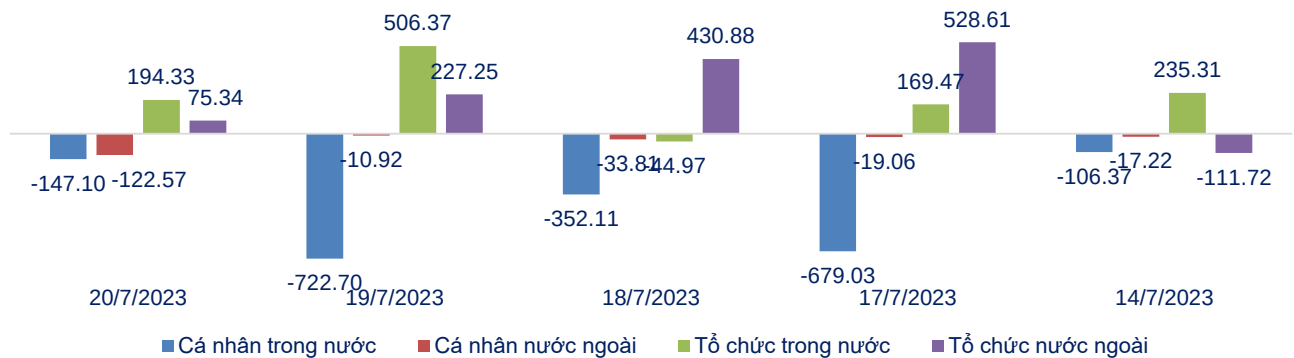
## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| VC7 | 4.66 | 2.4%   | 265     | 77.5 | 1.9 |
| VC2 | 4.04 | 4.1%   | 591     | 23.7 | 1.0 |
| API | 4.02 | 8.2%   | 921     | 6.6  | 0.5 |
| IDJ | 3.84 | 8.0%   | 901     | 6.3  | 0.5 |
| APS | 3.70 | -44.5% | (5,589) | -    | 0.5 |



**THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT**

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MSB | 131.12  | 17.8% | 2,355 | 5.5  | 0.9 |
| BCG | 73.39   | 0.6%  | 161   | 59.6 | 0.4 |
| STB | 71.03   | 14.9% | 3,006 | 9.4  | 1.3 |
| MWG | 52.94   | 11.4% | 1,829 | 26.5 | 3.0 |
| TCB | 49.15   | 17.2% | 5,446 | 5.9  | 1.0 |

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| VNM | -144.36 | 23.5% | 3,881 | 18.7  | 4.4 |
| VPB | -122.88 | 11.8% | 1,796 | 11.5  | 1.3 |
| HPG | -117.58 | 0.7%  | 114   | 239.9 | 1.7 |
| VHM | -102.85 | 24.9% | 8,269 | 7.1   | 1.6 |
| EIB | -86.86  | 14.8% | 2,030 | 10.1  | 1.4 |

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

| Mã       | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|----------|---------|-------|-------|------|-----|
| VPB      | 10.27   | 11.8% | 1,796 | 11.5 | 1.3 |
| TPB      | 5.54    | 20.3% | 2,884 | 6.5  | 0.9 |
| FUEVFNVD | 3.45    | N/A   | N/A   | N/A  | N/A |
| VNM      | 2.82    | 23.5% | 3,881 | 18.7 | 4.4 |
| SSI      | 2.34    | 6.9%  | 1,035 | 27.5 | 1.9 |

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MSB | -134.63 | 17.8% | 2,355 | 5.5  | 0.9 |
| STB | -2.66   | 14.9% | 3,006 | 9.4  | 1.3 |
| DHG | -1.99   | 26.1% | 8,368 | 16.6 | 3.9 |
| FPT | -1.76   | 22.1% | 4,596 | 17.1 | 3.5 |
| VIC | -1.68   | 5.1%  | 1,800 | 28.9 | 1.5 |

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| EIB | 85.25   | 14.8% | 2,030 | 10.1  | 1.4 |
| VPB | 75.75   | 11.8% | 1,796 | 11.5  | 1.3 |
| VNM | 56.67   | 23.5% | 3,881 | 18.7  | 4.4 |
| VHM | 55.00   | 24.9% | 8,269 | 7.1   | 1.6 |
| HPG | 49.17   | 0.7%  | 114   | 239.9 | 1.7 |

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| BCG | -72.20  | 0.6%  | 161   | 59.6 | 0.4 |
| MWG | -52.94  | 11.4% | 1,829 | 26.5 | 3.0 |
| TCB | -49.15  | 17.2% | 5,446 | 5.9  | 1.0 |
| NVL | -34.22  | 1.8%  | 414   | 35.5 | 0.6 |
| VHC | -33.62  | 21.4% | 9,001 | 8.1  | 1.7 |

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| VNM | 84.87   | 23.5% | 3,881 | 18.7  | 4.4 |
| HPG | 69.70   | 0.7%  | 114   | 239.9 | 1.7 |
| VHM | 46.54   | 24.9% | 8,269 | 7.1   | 1.6 |
| VPB | 36.87   | 11.8% | 1,796 | 11.5  | 1.3 |
| HDB | 25.68   | 20.8% | 3,174 | 5.3   | 1.0 |

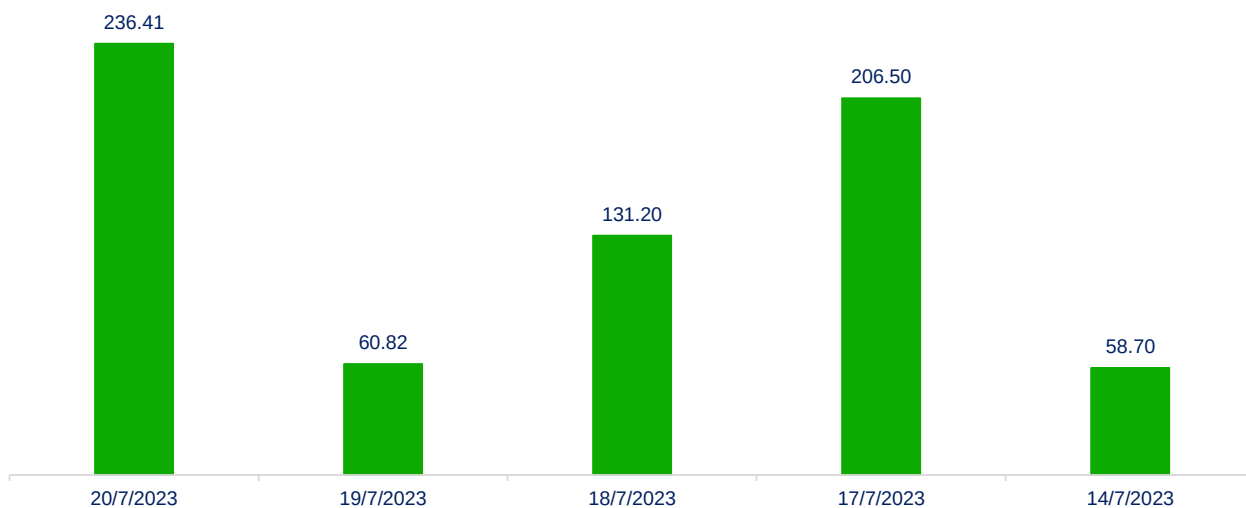
**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MSN | -61.13  | 5.9%  | 1,537 | 52.6 | 3.1 |
| STB | -49.94  | 14.9% | 3,006 | 9.4  | 1.3 |
| DBC | -38.72  | -3.8% | (741) | -    | 1.4 |
| TPB | -36.17  | 20.3% | 2,884 | 6.5  | 0.9 |
| CTG | -33.70  | 15.9% | 3,548 | 8.4  | 1.3 |

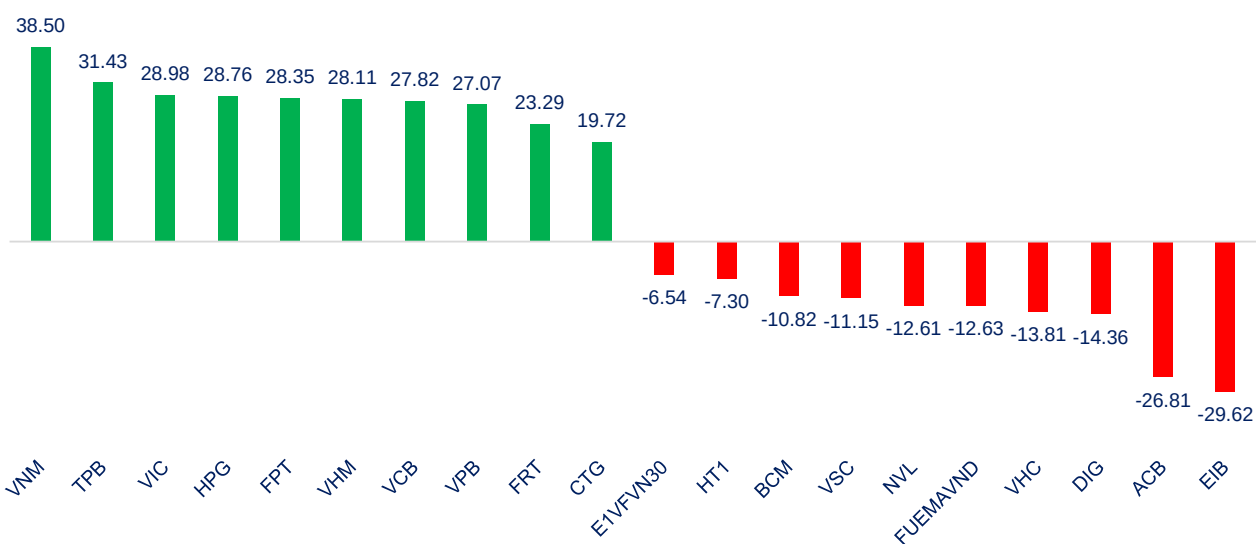


## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngõ Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)